TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/DS-ST
Ngày: 28-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Đặng Thị Phú Hoa;**
2. Ông **Phan Dương Nhựt.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Luông** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Triệu Tin** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-DS ngày 23/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐST-DS ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.
Địa chỉ: Số 15 đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I, chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ, chức vụ: Giám đốc Khối thu hồi nợ. Vắng mặt.
Đại diện tham gia tố tụng:
- Ông Nguyễn Thọ Viết N, sinh năm 1990. Có mặt.
- Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1995. Vắng mặt.
- Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 81 đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng.
2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn T, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thọ Viết N trình bày:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (*sau đây gọi tắt là Công ty S*) và ông Trần Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 10939132 ngày 26/4/2017 với số tiền 130.000.000 đồng. Cùng ngày, Công ty S đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông T. Căn cứ quy định của hợp đồng ông T có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T chỉ mới thanh toán

tổng cộng 28 kỳ với tổng số tiền là 118.104.300 đồng, trong đó: tiền gốc là 59.546.000 đồng, tiền lãi là 58.558.300 đồng. Kể từ sau ngày 31/8/2019 đến nay ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty S mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện cho ông T thanh toán nhưng ông T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S. Tạm tính đến ngày 28/01/2026, ông Trần Văn T còn nợ Công ty S số tiền 229.105.012 đồng, trong đó nợ gốc 70.454.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.371.810 đồng, nợ lãi quá hạn 142.279.202 đồng.

Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho Công ty S số tiền tạm tính đến ngày 28/01/2026 là 229.105.012 đồng. Kể từ ngày 29/01/2026, ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng từ chối nhận văn bản, vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 229.105.012 đồng, trong đó nợ gốc 70.454.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.371.810 đồng, nợ lãi quá hạn 142.279.202 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi theo nội dung Hợp đồng cho vay đã ký kết số 10939132 ngày 26/4/2017. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.2] Theo kết quả xác minh tại Công an phường Q, thành phố Đà Nẵng ngày 23/12/2025 ông Trần Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Ông T hiện nay vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, chưa có thông tin về việc thay đổi nơi tạm trú, tạm vắng. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T

theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T từ chối nhận và vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị Thu H và ông Trần Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự như đã nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 10939132 ngày 26/4/2017, Giấy cam kết nhận nợ và yêu cầu giải ngân, lịch trả nợ, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay giữa Công ty S và ông Trần Văn T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Công ty S cho ông Trần Văn T vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 24%/năm, lãi suất chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 36%/năm, thời hạn vay 48 tháng với 48 kỳ thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T thanh toán được 28 kỳ với số tiền là 118.104.300 đồng, trong đó: tiền gốc là 59.546.000 đồng, tiền lãi là 58.558.300 đồng. Từ ngày 31/8/2019 đến nay ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty S. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán cho Công ty S số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28/01/2026 là 229.105.012 đồng, trong đó nợ gốc 70.454.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.371.810 đồng, nợ lãi quá hạn 142.279.202 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty S là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn đã tự từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đối với bị đơn ông Trần Văn T.

Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/01/2026 là: 229.105.012 (*hai trăm hai chín triệu, một trăm lẻ năm nghìn, không trăm mười hai*) đồng, trong đó nợ gốc là: 70.454.000 (*bảy mươi triệu, bốn trăm năm bốn nghìn*) đồng, nợ lãi trong hạn là: 16.371.810 *(mười sáu triệu, ba trăm bảy mốt nghìn, tám trăm mười*) đồng, nợ lãi quá hạn là: 142.279.202 (*một trăm bốn hai triệu, hai trăm bảy chín nghìn, hai trăm lẻ hai*) đồng.

Kể từ ngày 29/01/2026, ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 10939132 ngày 26/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.455.000 (*mười một triệu, bốn trăm năm lăm nghìn*) đồng. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.514.000 (*năm triệu, năm trăm mười bốn nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005160 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(28/01/2026)*; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 - Đà Nẵng;
- THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Minh Tân